

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DSST

Ngày 24/10/2019

Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoàn

Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Nguyễn Văn An.

2- Ông Nguyễn Đăng Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thu Hường – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn.

Đại diện VKSND thị xã Từ Sơn tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Cao Khải – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-DS ngày 13/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị B- sinh năm 1954 (có mặt).

Ông Ngô Quốc Th (tên gọi khác: Ngô Hữu T) sinh 1947 (có mặt)

Cùng HKTT: khu phố Tr, p T, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Ông T ủy quyền cho bà B đại diện (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh 1952 (vắng mặt).

HKTT: khu phố Trang Liệt, p Trang Hạ, Từ Sơn, Bắc Ninh.

Anh Ngô Quốc T, sinh 1974 (vắng mặt)

HKTT: Số A tổ B, phường T, quận Hoàng Mai, Tp Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Ngô Hải H, sinh 1977 (vắng mặt)

Anh Ngô Trung D, sinh 1983 (vắng mặt)

Cùng HKTT: khu phố Tr, p T, Từ Sơn, Bắc Ninh.

Anh H, anh D cùng ủy quyền cho bà Vũ Thị B (mẹ đẻ) đại diện (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Toà án nguyên đơn là bà Vũ Thị B, ông Ngô Quốc Th (tức Ngô Hữu T) do bà B đại diện trình bày: Do có mối quan hệ họ hàng với bà Nguyễn Thị Th, sinh 1952 ở Trang Liệt, Trang Hạ, Từ Sơn, Bắc Ninh nên gia đình bà gồm có chồng bà là ông Ngô Quốc Th tức Ngô Hữu T và hai con trai là Ngô Hải H, Ngô Trung D có cho bà Th và anh Ngô Quốc T là con trai bà Th vay tiền nhiều lần từ khoảng năm 2010- 2012 để làm ăn. Đến ngày 13/6/2012 âm lịch, bà Th, anh T có đến nhà bà để hai bên chốt số nợ, bà Th và anh T viết giấy xác nhận vay tiền với gia đình bà và xác nhận có vay của vợ chồng bà cùng hai con Hưng, Dũng số tiền là 6.142.444.000đ (Sáu tỷ một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), trong giấy này hai bên không thỏa thuận cụ thể về thời hạn vay, lãi suất vay mà thỏa thuận miệng về lãi suất lúc đầu là 2%/tháng, sau đó giảm xuống còn 1%/tháng nhưng từng thời điểm thỏa thuận mức lãi suất bà không còn nhớ cụ thể và trong giấy này không thỏa thuận rõ là bà Th, anh T mỗi người nợ cụ thể bao nhiêu tiền. Kể từ thời điểm chốt số nợ trên, bà Th, anh T chưa thanh toán cho vợ chồng bà cùng hai con trai được khoản tiền nào cả gốc và lãi. Sau nhiều năm bà Th anh T không thanh toán tiền lãi nên gia đình bà có yêu cầu bà Th, anh T thanh toán nợ nhưng bà Th, anh T khất nản không trả. Toàn bộ số tiền cho anh T, bà Th vay tiền là tiền chung của vợ chồng bà cùng hai con là Hưng và Dũng, bà không xác định được cụ thể số tiền của con trai là Hưng và Dũng trong số tiền cho bà Th, anh T vay. Nay bà đại diện cho chồng và hai con trai Hưng, Dũng yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Th và anh T phải trả vợ chồng bà cùng hai con Hưng, Dũng số tiền nợ gốc là 6.142.444.000đ cùng tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày chốt nợ 13/6/2012 âm lịch đến ngày xét xử, không yêu cầu tòa án phải xác định cụ thể trả vợ chồng bà, anh H, anh D cụ thể mỗi người là bao nhiêu mà việc này vợ chồng bà cùng con trai sẽ tự thỏa thuận phân chia. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Phía bị đơn anh T trình bày:

Do cần vốn làm ăn nên anh có nhờ mẹ anh là bà Nguyễn Thị Th sinh 1952, hiện nay đang ở La Khê, Quận Hà Đông, TP Hà Nội địa chỉ cụ thể tôi không rõ đứng ra vay tiền của ông T, bà B từ khoảng năm 2008, vay tiền nhiều lần. Tính đến ngày 13/6/2012 âm lịch thì anh và mẹ anh còn nợ ông T, bà B số tiền 6.142.444.000đ (Sáu tỷ một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), toàn bộ số tiền này là tiền lãi của các khoản vay gốc mà anh chưa thanh toán trả ông T, bà B nhưng anh không có bất cứ tài liệu gì chứng minh việc này. Sau khi chốt số nợ trên thì hai bên cũng không thỏa thuận cụ thể gì về lãi suất hay thời hạn vay. Anh xác định chữ ký ở bên đại diện người vay trong giấy xác nhận vay tiền mà nguyên đơn cung cấp là chữ ký của anh và mẹ anh là bà Th.

Từ sau khi chốt nợ đến nay thì anh và mẹ anh chưa thanh toán được khoản tiền nào cho ông T, bà B. Nay ông T, bà B yêu cầu anh và bà Th phải thanh toán trả số nợ 6.142.444.000đ cùng tiền lãi theo pháp luật tính từ ngày 13/6/2012 âm lịch đến ngày xét xử anh không đồng ý vì khi viết giấy xác nhận vay tiền hai bên không có thoả thuận về lãi suất nên anh chỉ đồng ý có trách nhiệm cùng bà Th trả số tiền 6.142.444.000đ cho ông T, bà B và không đồng ý trả tiền lãi.

Bà Th trình bày:

Giữa bà với ông Tam có quan hệ họ hàng với nhau. Từ khoảng năm 2008, bà có vay tiền của ông T, bà B nhiều lần đến năm 2010 thì không vay nữa. Các lần vay tiền, bà có viết giấy vay tiền cho ông T, bà B; bà vay tiền hộ con trai bà là anh Ngô Quốc T, khi vay thoả thuận miệng lãi suất là 2.000đ/01 triệu/01 ngày tức 6%/tháng. Đến ngày 13/6/2012 âm lịch, bà cùng con trai là anh T có đến nhà ông Tam chốt nợ. Tại đây, bà và anh T có viết giấy xác nhận vay tiền với ông T, bà B với nội dung bà và anh T có vay của ông T, bà B số tiền 6.142.444.000đ, chữ ký trong giấy này là của bà và anh T. Toàn bộ số tiền nợ này là tiền lãi chưa thanh toán của các khoản nợ trước nhưng bà không có bất cứ tài liệu gì chứng minh số tiền trên là tiền lãi chưa thanh toán. Số nợ trên do bà đứng ra vay hộ con trai là anh T nên bà xác định không có trách nhiệm trả nợ cho ông T, bà B mà toàn bộ số nợ này do anh T phải trả cho ông T, bà B. Do tuổi đã cao nên bà không đến tòa làm việc được, hiện bà đang ở cùng con trai ở Hà Đông nhưng địa chỉ cụ thể bà không cung cấp cho tòa án, thỉnh thoảng bà mới bà quê ở Trang Liệt, Trang Hạ, Từ Sơn, Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Ngô Trung D trình bày:

Anh là con trai của ông Ngô Hữu Tam và bà Vũ Thị B. Bố mẹ anh cùng anh và anh trai Ngô Hải H có cho bà Nguyễn Thị Th, anh Ngô Quốc T (con trai bà Th) ở Trang Liệt, Trang Hạ, Từ Sơn, Bắc Ninh là bác họ của anh vay tiền nhiều lần để làm ăn kinh doanh (làm dự án). Anh không xác định được số tiền cụ thể đã đưa cho bố mẹ anh để cho bà Th, anh T vay. Số tiền này là của riêng tôi, không liên quan đến vợ anh là Vũ Thị Chuyên sinh 1987, trú quán: Trang Liệt, p Trang Hạ (Anh kết hôn với chị Chuyên từ cuối năm 2011). Đến ngày 13/6/2012 âm lịch, bà Th, anh T có đến gia đình bố mẹ anh chốt số nợ và các bên thống nhất xác nhận bà Th, anh T còn nợ gia đình anh (Gồm bố mẹ anh, anh, và anh trai anh) số tiền gốc 6.142.444.000đ (Sáu tỷ một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Bà Th, anh T có viết giấy xác nhận vay tiền và ký tên, trong giấy này hai bên không thoả thuận thời hạn vay, có ghi lãi suất thoả thuận, cụ thể thoả thuận miệng mức lãi suất cụ thể thay đổi theo từng thời điểm nên anh không rõ bao nhiêu. Kể từ thời điểm chốt nợ đến nay, bà Th anh T chưa thanh toán cho gia đình anh khoản tiền nào cả gốc và lãi. Nay bố mẹ anh khởi kiện đòi tiền đối với bà Th, anh T thì anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bố mẹ anh, yêu cầu bà Th và anh T

phải thanh toán trả ông T, bà B, anh và anh Hưng số tiền gốc là 6.142.444.000đ cùng tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày chốt sổ 13/6/2012 âm lịch đến khi xét xử xong vụ án.

Anh Ngô Hải H trình bày:

Anh là con trai của ông Ngô Hữu Tam và bà Vũ Thị B. Bố mẹ anh cùng anh và em trai Ngô Trung D có cho bà Nguyễn Thị Th, anh Ngô Quốc T (con trai bà Th) ở Trang Liệt, Trang Hạ, Từ Sơn, Bắc Ninh là bác họ của anh vay tiền nhiều lần để làm ăn kinh doanh (làm dự án). Anh không xác định được số tiền cụ thể đã đưa cho bố mẹ anh để cho bà Th, anh T vay. Số tiền này là của riêng anh, không liên quan đến vợ anh là Lê Thị Thanh Thủy, sinh 1981, trú quán: Trang Liệt, p Trang Hạ (Anh kết hôn với chị Thủy từ năm 2007). Đến ngày 13/6/2012 âm lịch, bà Th, anh T có đến gia đình bố mẹ anh chốt sổ nợ và các bên thống nhất xác nhận bà Th, anh T còn nợ gia đình anh (Gồm bố mẹ anh, anh, và em trai anh) số tiền gốc 6.142.444.000đ (Sáu tỷ một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Bà Th, anh T có viết giấy xác nhận vay tiền và ký tên, trong giấy này hai bên không thỏa thuận thời hạn vay, có ghi lãi suất thỏa thuận, cụ thể thỏa thuận miệng mức lãi suất cụ thể thay đổi theo từng thời điểm nên anh không rõ bao nhiêu. Kể từ thời điểm chốt nợ đến nay, bà Th, anh T chưa thanh toán cho gia đình anh khoản tiền nào cả gốc và lãi. Nay bố mẹ anh khởi kiện đòi tiền đối với bà Th, anh T thì anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bố mẹ anh, yêu cầu bà Th và anh T phải thanh toán trả ông T, bà B, anh và anh Dũng số tiền gốc là 6.142.444.000đ cùng tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày chốt sổ 13/6/2012 âm lịch đến khi xét xử xong vụ án.

Chị Vũ Thị Ch, chị Lê Thị Thanh Th đều xác định số tiền mà anh H, anh D đưa cho ông T, bà B để cho bà Th, anh T vay là tiền riêng của anh H, anh D. Do vậy, chị Chuyên, chị Thủy đều xác định không có liên quan gì trong vụ án và đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không xác định chị Chuyên, chị Thủy là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã giao Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Th, anh T nhưng cả hai lần bà Th, anh T đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 143, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, 472, 473, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, đề nghị hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện của nguyên đơn. Buộc anh Ngô Quốc T, bà Nguyễn Thị Th phải trả ông Thành (tức Tam), bà Th, anh H, anh D số nợ gốc 6.142.444.000đ và số tiền lãi kể từ khi chốt nợ ngày 13/6/2012 âm lịch tức ngày 31/7/2012 dương lịch đến ngày xét xử là:

$6.142.444.000đ \times 9\%/năm \times 07 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 3.961.913.000đ$ (Ba tỷ chín trăm sáu mươi một triệu chín trăm mười ba nghìn đồng)

Tổng số tiền gốc và số tiền lãi mà anh T, bà Th phải trả cho ông T, bà B, anh Dũng, anh Hưng là: $6.142.444.000đ + 3.961.913.000đ = 10.104.357.000$ đồng (Mười tỷ một trăm linh bốn triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ trong vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Bị đơn là anh T, bà Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại điều 227; khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Ông Thành (tức Tam), bà Bận khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T có HKTT tại số 30, tổ 52 phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội và bà Th có HKTT tại Khu phố Trang Liệt, phường Trang Hạ, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh phải trả số tiền gốc, lãi của hợp đồng vay tiền cụ thể là giấy xác nhận vay tiền đã ký kết giữa các bên. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

{2} Về nội dung:

Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông Thành (tức Tam), bà Bận, anh H, anh D với anh T, bà Th được thể hiện tại giấy xác nhận vay tiền ngày 13/6/2012 âm lịch, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên tham gia giao kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, các hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

Về nội dung tranh chấp: Đại diện nguyên đơn, đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bị đơn (anh T, bà Th) đều xác định phía bị đơn là anh T, bà Th chưa thanh toán được khoản tiền gốc hay lãi nào kể từ thời điểm chốt nợ. Phía bà Th, anh T đều trình bày bà Th vay tiền của ông T, bà B là vay hộ anh T, bà không sử dụng tiền vay ông T, bà B mà toàn bộ số tiền vay do anh T sử dụng. Toàn bộ số tiền chốt nợ theo giấy xác

nhận vay tiền ngày 13/6/2012 âm lịch là tiền lãi chưa thanh toán nhưng bà Th, anh T không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh hơn nữa phía nguyên đơn xác định là cho bà Th và con trai là anh T vay tiền chung để làm ăn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng có yêu cầu bị đơn là bà Th, anh T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo quy định của pháp luật là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong giấy vay tiền đã ký kết.

Số tiền gốc chưa thanh toán: Từ lời trình bày của các đương sự và đối chiếu với tài liệu nguyên đơn cung cấp có đủ căn cứ xác định: Ngày 13/6/2012 âm lịch, ông T, bà B cùng con trai là anh H, anh D với phía bị đơn là bà Th, anh T đã chốt nợ với nhau theo đó anh T, bà Th xác nhận còn nợ ông T, bà B, anh Trung, anh Dũng số tiền 6.142.444.000đ, không xác định cụ thể mỗi người nợ bao nhiêu tiền. Từ khi chốt nợ đến nay, anh T, bà Th chưa thanh toán khoản tiền gốc nào. Như vậy, nguyên đơn cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu anh T, bà Th phải thanh toán số nợ gốc 6.142.444.000đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Ngoài khoản tiền nợ gốc, phía nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn yêu cầu anh T, bà Th phải thanh toán khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền gốc đã vay theo giấy xác nhận vay tiền mà anh T, bà Th đã ký kết. Do đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và hai bên có thỏa thuận về lãi suất nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền lãi là có căn cứ. Tuy nhiên, trong giấy xác nhận vay tiền ngày 13/6/2012 âm lịch, các bên không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu nên theo quy định tại điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp trong vụ án này là Bộ luật dân sự 2005.

Tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 quy định: Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.

Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định: lãi suất cơ bản là 9%/năm nên mức lãi suất được áp dụng để tính lãi là 9%/năm tức 0,75%/tháng.

Ngày 13/6/2012 âm lịch tức ngày 31/7/2012 dương lịch đến hết ngày 24/10/2019 là 07 năm 02 tháng 24 ngày

Tiền lãi được tính cụ thể như sau:

$6.142.444.000đ \times 9\%/năm \times 07 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 3.961.913.000đ$ (Ba tỷ chín trăm sáu mươi một triệu chín trăm mười ba nghìn đồng)

Tổng số tiền gốc và số tiền lãi mà anh T, bà Th phải trả cho ông T, bà B, anh Dũng, anh Hưng là: $6.142.444.000đ + 3.961.913.000đ = 10.104.357.000$ đồng (Mười tỷ một trăm linh bốn triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Do trong giấy xác nhận vay tiền lập ngày 13/6/2012 âm lịch không xác định rõ bà Th, anh T mỗi người nợ cụ thể bao nhiêu tiền, phía nguyên đơn cũng không xác định được số nợ cụ thể của mỗi người mà chỉ xác định là cho bà Th, anh T cùng vay tiền chung để làm ăn. Vì vậy, cần buộc bà Th, anh T phải có trách nhiệm liên đới trả số nợ trên và cụ thể mỗi người phải có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ tổng số nợ cả gốc và lãi.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 26, 35, 39, 143, 144, 147, 235, 264, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 471, 474, 476, 477 và Điều 298 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quốc Th (tức Ngô Hữu Tam) và bà Vũ Thị B.

Buộc anh Ngô Quốc T, bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ liên đới trả ông Ngô Quốc Th (tức Ngô Hữu Tam), bà Vũ Thị B, anh Ngô Trung D và anh Ngô Hải H số tiền 10.104.357.000đ (Mười tỷ một trăm linh bốn triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng) gồm 6.142.444.000đ (Sáu tỷ một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền nợ gốc và 3.961.913.000đ (Ba tỷ chín trăm sáu mươi một triệu chín trăm mười ba nghìn đồng) tiền lãi. (Anh T, bà Th mỗi người phải có nghĩa vụ trả ông Ngô Quốc Th tức Ngô Hữu Tam, bà Vũ Thị B, anh Ngô Trung D và anh Ngô Hải H số tiền 5.052.178.500 đồng)

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trình hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và mục 4, 5 điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2- Về án phí: Anh T, bà Th phải chịu 173.043.000 đ (Một trăm bảy mươi ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. (Anh T, bà Th mỗi người phải chịu 86.521.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm)

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

T/M ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND tỉnh, thị xã Từ Sơn
- Thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn
- Các đương sự
- Lu hồ sơ, VP

Ngô Thị Hoàn

